

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **201/2023/DS-ST**

Ngày: 17/8/2023

V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

* Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.
- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Tỏ

2. Ông Mai Văn Cười

* Thư ký phiên tòa: Bà Cà Thị Lan, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Trần Thị Ngọc Tuyên, Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 85/2023/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 360/2023/QĐXXST-DS ngày 01/8/2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trương Tấn C**, sinh năm xxxx; ngụ tại ấp E, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

* Bị đơn: **Nguyễn Thị H**, sinh năm xxxx; ngụ tại ấp F, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, anh Trương Tấn C là nguyên đơn trình bày: Anh C và chị H có mối quan hệ hàng xóm, khoảng tháng 6 năm 2022, anh C có đứng ra vay mượn dùm cho chị H số tiền 20.000.000 đồng có làm biên nhận nợ, thỏa thuận trong thời gian một tháng sẽ trả tiền nhưng do khó khăn nên chị H có mượn tiếp số tiền 5.000.000 đồng, khoảng 2 tháng sau chị H cũng không có khả năng trả tiền nên mượn tiếp số tiền 3.000.000 đồng để trả tiền lãi cho phần tiền 20.000.000 đồng, hai lần vay mượn sau đó không có làm biên nhận nợ. Quá trình thực hiện, chị H có trả cho anh C một phần tiền lãi và không trả

được khoản tiền vốn nào. Anh C đã nhiều lần đến gặp chị H để đòi tiền nhưng chị H không trả được theo thỏa thuận. Nay anh C khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền 28.000.000 đồng và tiền lãi tính theo mức lãi suất là 7%/tháng tính từ tháng 11 năm 2022 cho đến khi xét xử xong, tạm tính đến ngày 22/6/2023 là 8.400.000 đồng, yêu cầu trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

* Chị H là bị đơn trình bày: Chị H thống nhất có vay của anh C số tiền 20.000.000 đồng không có vay số tiền 8.000.000 đồng như anh C trình bày, tiền lãi có trả được một phần không đủ, tiền vốn từ sau khi Tòa án thụ lý, chị H có trả cho anh C số tiền 2.000.000 đồng. Nay anh C khởi kiện thì chị H đồng ý trả số tiền 18.000.000 đồng và xin không trả tiền lãi. Do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên chị H xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ.

* Tại phiên tòa anh C xác nhận trong quá trình tố tụng anh C có nhận của chị H số tiền 2.000.000 đồng nhưng đây là tiền lãi không phải là tiền vốn như chị H trình bày nhưng không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh.

* *Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 244, Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017) chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh C, buộc chị H có nghĩa vụ trả cho anh C số tiền 18.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 1,67%/tháng, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 2.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn là 8.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn anh Trương Tấn C khởi kiện yêu chị Nguyễn Thị H, ngụ tại ấp F, xã T, huyện G có trách nhiệm trả số tiền vốn vay là 28.000.000 đồng và tiền lãi nên đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Anh Trương Tấn C và chị Nguyễn Thị H tự nguyện thỏa thuận vay tiền. Quá trình thực hiện, chị H chưa trả

cho anh C khoản tiền nào mặc dù anh C đã nhiều lần liên hệ yêu cầu chị H trả tiền nhưng chị H chỉ hứa hẹn mà không trả tiền. Nay anh C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị H trả số tiền vốn vay 20.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 là 7 tháng, yêu cầu trả khi án có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình tố tụng, chị H chỉ thừa nhận có nhờ anh C vay dùm số tiền 20.000.000 đồng và trong quá trình tố tụng đã trả được 2.000.000 đồng tiền vốn nên chỉ đồng ý trả số tiền còn lại là 18.000.000 đồng, xin trả dần mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy anh C và chị H có giao dịch vay mượn tiền có làm biên nhận thời điểm sau đó, tuy nhiên biên nhận việc vay mượn giữa hai bên do anh C cung cấp chỉ xác định số tiền vốn mà chị H vay mượn là 20.000.000 đồng, không phải là 28.000.000 đồng như anh C trình bày, chị H không thừa nhận có vay thêm anh C số tiền 8.000.000 đồng, anh C không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh chị H có vay thêm anh C số tiền 8.000.000 đồng nên anh C xin rút yêu cầu khởi kiện đối số tiền vốn vay là 8.000.000 đồng, khi nào có đủ tài liệu chứng cứ anh C sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh C là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Đồng thời tại phiên tòa chị H trình bày có trả cho anh C được 2.000.000 đồng tiền vốn, anh C xác nhận có nhận của chị H 2.000.000 đồng tiền lãi, không phải tiền vốn, việc giao nhận không có làm giấy tờ, anh C không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào chứng minh số tiền 2.000.000 đồng là tiền lãi nên việc chị H đồng ý trả số tiền 18.000.000 đồng cho anh C là có cơ sở chấp nhận, phù hợp với quy định tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2.2] Về phương thức trả nợ: Anh C yêu cầu trả số tiền vốn và lãi khi án có hiệu lực pháp luật. Do hoàn cảnh khó khăn nên chị H xin trả dần mỗi tháng là 1.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng không được anh C đồng ý. Hội đồng xét xử nhận thấy trên biên nhận mượn tiền mà anh C cung cấp chị H đã vi phạm cam kết trả nợ với anh C, nay chị H tiếp tục xin trả dần không được anh C đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin trả dần của chị H.

[2.3] Về tiền lãi: Theo tờ cam kết trả nợ mà anh C cung cấp cho Tòa án không có thỏa thuận lãi, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh C và chị H đều xác định việc vay mượn là có lãi, chị có trả tiền lãi nhưng không thống nhất tiền lãi. Nay chị H xin không trả tiền lãi, qua quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã giải thích cho anh C biết được mức lãi mà anh C yêu cầu chị H phải trả là 7%/tháng vượt quá giới hạn pháp luật quy định nên anh C giảm mức lãi suất theo mức lãi suất mà anh C đi vay dùm cho chị H là 3%/tháng, tuy nhiên mức lãi suất này vẫn vượt quá giới hạn pháp luật cho phép nên Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận mức lãi suất là 20%/năm cho yêu cầu tính lãi suất của anh C phù hợp với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 (Sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2.4] Về yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện: Do anh C không cấp được tài liệu chứng cứ và chị H không thừa nhận có nhờ anh C vay dùm số tiền 8.000.000 đồng nên anh C yêu cầu được rút lại yêu cầu chị H trả số tiền 8.000.000

đồng là không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2.5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tấn C được chấp nhận một phần nên anh C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu không được chấp nhận và chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm phần yêu cầu của anh C được chấp nhận là phù hợp với quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[2.6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Về quan điểm giải quyết của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 466, Điều 462 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);

- Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tấn C.

1. Buộc chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ trả cho anh Trương Tấn C số tiền vốn vay là 18.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 11/2022 đến tháng 5/2023 theo mức lãi suất pháp luật quy định là 1,67%/tháng với số tiền là 2.338.000 đồng. Tổng cộng là 20.338.000 đồng, thời gian trả tiền khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Trương Tấn C yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền vốn vay là 8.000.000 đồng và tiền lãi.

3. Về án phí: Anh Trương Tấn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 746.400 đồng anh C đã nộp theo biên lai thu số 0028643 ngày 13/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông. H1 lại anh Trương Tấn C số tiền 446.400 đồng.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.016.900 đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Gò Công Đông;
- CC.THADS huyện Gò Công Đông;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Diễm Trinh